

TUẦN 35

Tiết 1

Tiếng Việt (tăng)

Ôn tập: Ba kiểu câu Ai là gì ? Ai làm gì ? Ai thế nào ?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố, khắc sâu và nâng cao cho HS kiến thức về ba mẫu câu đã học : Ai làm gì ? Ai là gì? Ai thế nào ?

- Đặt được câu theo mẫu câu đã cho.

2. Năng lực chung.

+ NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thích Tiếng Việt.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Kế hoạch bài dạy

- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

II. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV cho HS đặt câu hỏi và trả lời để củng cố về 3 mẫu câu.

- Mỗi mẫu câu lấy 1 ví dụ minh họa.

- GV nhận xét, đánh giá.

- \Rightarrow GV chốt kiến thức về 3 mẫu câu.

*Kiểu câu Ai là gì ? Ai làm gì ? Ai thế nào ?
gồm 2 bộ phận chính:*

- *Bộ phận thứ nhất trả lời cho câu hỏi Ai ? (là những từ chỉ sự vật)*

- *Bộ phận thứ hai trả lời cho câu hỏi là gì ? làm gì ? thế nào ?*

2: Thực hành, luyện tập .

Bài 1: Đặt ba câu theo mẫu : Ai là gì? để giới thiệu về một bạn trong lớp.

- Gọi hs nêu yêu cầu bài.

- Y/ c học sinh nêu miệng câu đã đặt.

- Câu Ai là gì? có mấy bộ phận là những bộ phận nào?

- HS tự đặt câu hỏi và trả lời về 3 mẫu câu.

- HS lấy VD.

- HS nhận xét.

- HĐ cá nhân.

- HS nêu yêu cầu.

- HS tự viết bài vào vở

- HS nêu miệng.

- Nhận xét.

- KK HS đặt 5 câu.

- HS nêu

- HS nêu.

- Gv nhận xét, đánh giá.
- >KL: *Củng cố về đặt câu theo mẫu: Ai là gì ? dùng để giới thiệu về sự vật.*

Bài 2: Đặt ba câu theo mẫu : Ai làm gì? hoạt động của HS trong giờ ra chơi .

- Gọi hs nêu yêu cầu bài.
- Y/c học sinh làm vào vở.

- Khi viết câu chúng ta cần lưu ý điều gì?

- Câu được viết theo mẫu Ai làm gì? là câu chỉ gì?

- GV nhận xét, đánh giá.
- > Chốt: *Củng cố về đặt câu theo mẫu: Ai làm gì? Dùng để miêu tả hoạt động của sự vật.*

Bài 3: Đặt ba câu theo mẫu : Ai thế nào? để nói về:

- Một bạn học sinh
- Buổi sớm mùa thu.
- Không khí ngày Tết.

- Gọi hs nêu yêu cầu bài.
- Y/c học sinh làm bài vào vở.

- Mẫu câu : Ai thế nào? có mấy bộ phận ? Là những bộ phận nào?

Mẫu câu Ai thế nào? là mẫu câu nói về cái gì?

->Chốt *Củng cố về câu được viết theo mẫu: Ai thế nào ? dùng để miêu tả đặc điểm của sự vật*

Bài 4: Viết một đoạn văn ngắn (4 đến 5 câu) nói về thành thị hoặc nông thôn. Gạch chân dưới ba mẫu câu đã học.

- Gọi hs nêu yêu cầu bài.
- Y/c học sinh viết vào vở.
- Gv nhận xét, biểu dương HS viết tốt.
- > Chốt: *Củng cố cách viết đoạn văn .*

3. Vận dụng

- Nêu lại đặc điểm của 3 mẫu câu đã học ?
- Nhận xét giờ học, dặn dò về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

- HS nêu yêu cầu bài.
- HS làm bài vào vở.
- 3 HS lên bảng viết câu.
- KK HS đặt 5 câu.
- HS nêu: Đầu câu viết hoa, cuối câu ghi dấu chấm.
- HS nêu: câu chỉ hoạt động.

- HĐ cá nhân
- HS nêu yêu cầu bài tập.
- HS làm bài vào vở.
- 3 HS lên bảng làm.
- Nhận xét.
- KK HS đặt nhiều câu.
- * HS nêu: Dùng để miêu tả về đặc điểm của sự vật.
- HS nêu

- HĐ cá nhân
- HS viết bài vào vở.
- * HS viết từ 5 câu trở lên.
- Một số em đọc bài, nêu mẫu câu đã học trong đoạn văn.
- HS nhận xét.

- HS nêu.

.....

Tiết 2

Tiếng Việt +

Luyện tập : Dấu gạch ngang, chấm hỏi, chấm than

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Củng cố cho HS về cách dùng dấu gạch ngang, chấm hỏi, chấm than.
- HS xác định vị trí, tác dụng dấu gạch ngang, chấm hỏi, chấm than và viết được đoạn văn có chứa dấu gạch ngang.
- HS biết áp dụng điều đã học vào thực tế.

2. Năng lực chung.

- + NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thích Tiếng Việt.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Kế hoạch bài dạy
- Các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1: Khởi động

- Dấu gạch ngang dùng để làm gì? Nêu VD cụ thể?

- GV chốt kiến thức.

Để đánh dấu lời nói của nhân vật có thể dùng dấu gạch ngang.

2: Thực hành, Luyện tập

Bài 1: (BP) Tìm dấu gạch ngang trong các đoạn văn dưới đây. Nói rõ tác dụng của dấu gạch ngang tìm được.

a) Chó Sói - loài vật nổi tiếng là kẻ lừa lọc, phản trắc - hóc xương và không sao lấy ra được. Nó gọi Sếu đến và bảo:

- Này Sếu, cổ anh dài, anh hãy thò đầu vào họng tôi kéo cái xương ra, tôi sẽ thưởng cho anh.

b) Ông nội dạy em chăm sóc cây chuối như sau:

- Hằng ngày lấy khoảng nửa xô nước pha nước phân chuồng hoặc nước giải tưới vào gốc mỗi cây chuối.

- Một số HS trả lời trước lớp

- 2 HS lên bảng viết câu, HS khác viết nháp.

- Mỗi tháng lấy cuốc cuốc một rãnh nhỏ quanh gốc chuối.
- Khi cây lớn bị nghiêng, cần lấy cọc tre hoặc gỗ đỡ cho thân chuối không bị đổ.
- Yêu cầu HS làm vở.
- > GV chốt về tác dụng dấu gạch ngang.
- Đánh dấu phần chú thích.
- Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói nhân vật.
- Dấu gạch ngang được đặt ở đầu dòng trước tiếng đầu tiên của lời nói trực tiếp

Bài 3. Điền dấu câu nào vào mỗi chỗ trống ở đoạn đối thoại dưới đây?

Thấy chú Nhân ngồi chơi trên cầu, cu Hoe hỏi:

- Chú ơi, sao chú thích ngồi chơi ở trên cây cầu này thế •
 - Chú Nhân tươi cười xoa đầu Hoe, nói:
 - Vì năm chú đi bộ đội, bà nội và bố cháu tiễn chú đến tận đây.
 - Thế mai chú lại về chỗ bộ đội à chú •
 - Ừ. Cháu nhớ viết thư cho chú nhé • Viết dài vào đấy •
- Cu Hoe cười, nhe cả răng sún:
- Vâng ạ •
 - GV treo bảng phụ có ghi nội dung bài.
 - Y/c học sinh làm bài vào vở.
 - Gọi 1 hs lên bảng điền.

- GV nhận xét, đánh giá.

* Dấu chấm hỏi có tác dụng dùng để làm gì?

Đáp án: Tác dụng

- Đánh dấu phần chú thích.
đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói nhân vật.
- Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.

- HS xử yêu cầu của bài.
- HS làm bài vào vở.
- 1 HS lên bảng điền.

Đáp án

Thấy chú Nhân ngồi chơi trên cầu, cu Hoe hỏi:

- Chú ơi, sao chú thích ngồi chơi ở trên cây cầu này thế ?
 - Chú Nhân tươi cười xoa đầu Hoe, nói:
 - Vì năm chú đi bộ đội, bà nội và bố cháu tiễn chú đến tận đây.
 - Thế mai chú lại về chỗ bộ đội à chú ?
 - Ừ. Cháu nhớ viết thư cho chú nhé ! Viết dài vào đấy !
- Cu Hoe cười, nhe cả răng sún:
- Vâng ạ !

*HS nêu: Dấu chấm hỏi dùng để kết thúc câu hỏi.

- Khi nói lời yêu cầu, đề nghị người ta dùng dấu chấm than.

* Khi nào người ta dùng dấu chấm than?

->Chốt: Cùng cố về tác dụng của dấu chấm hỏi, dấu chấm than.

Bài 3: Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 5 câu thuật lại cuộc trò chuyện giữa bố hoặc mẹ với em về tình hình học tập của em trong tuần qua. Trong đó có sử dụng dấu gạch ngang, chấm hỏi, chấm than.

- Khuyến khích HS viết đoạn văn có từ 5-7 câu, trong đó có dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời đối thoại và giải thích.

- GV chấm, nhận xét bài.

->Củng cố cách viết đoạn văn trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.

3: Vận dụng:

- Nêu tác dụng của các dấu câu đã học.

- Nhận xét tiết học. Chuẩn bị bài sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

Tiết 3

Tiếng Việt(+)

Luyện tập: Từ chỉ đặc điểm, tính chất.

Câu kiểu Ai thế nào?

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Cùng cố cho HS về từ chỉ đặc điểm, tính chất, câu kiểu Ai thế nào?

- HS tìm từ trái nghĩa với các từ chỉ đặc điểm, tính chất. Biết tìm từ chỉ đặc điểm. Đặt câu kiểu Ai thế nào?

2. Năng lực chung.

+ NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- HS viết vở.

- Một số HS đọc đoạn văn trước lớp.

- Lớp nhận xét, đánh giá.

Bài tham khảo:

Sáng chủ nhật, mẹ gọi em lại và hỏi về tình hình học tập của em trong tuần qua.

Mẹ nói:

- Trong tuần qua, kết quả học tập của con như thế nào ?

- Con học vẫn tốt mẹ ạ!

- Có môn nào con không thuộc bài khi cô giáo kiểm tra không?

- Thưa mẹ, không ạ. Môn nào con cũng thuộc hết ạ.

- Thế thì tốt, nhưng con chớ có chủ quan. Phải luôn luôn siêng năng cần mẫn vì siêng năng, cần mẫn là đức tính hàng đầu mà mỗi học sinh phải có.

- Thưa mẹ, vâng ạ

- 2 Hs nêu lại

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thích Tiếng Việt.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc
- GDHS cách dùng từ, đặt câu chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

b Bảng phụ BT2, 3

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

1. Khởi động:

- GV yêu cầu HS HĐ nhóm đôi: nêu một số từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất của người, con vật, cây cối, sự vật?
 - Những từ chỉ đặc điểm, tính chất trả lời cho bộ phận nào trong câu kiểu Ai thế nào?
 - Câu kiểu Ai thế nào có mấy bộ phận, là những bộ phận nào?
- =>GV chốt: Từ chỉ đặc điểm, t/c là những từ chỉ hình dáng, màu sắc, tính tình, phẩm chất... của sự vật. Câu kiểu Ai thế nào? có 2 bộ phận...

2: Thực hành, luyện tập

Bài 1: Điền vào chỗ trống từ trái nghĩa với từ cho trước:

cần cù/....	ngăn/....
tròn/....	hiền từ/....
to/....	gầy/....

- Khuyến khích HS tìm thêm từ trái nghĩa khác.

- YCHS nhận xét xem các cặp từ trái nghĩa

vừa tìm thuộc loại từ chỉ gì?

=>Chốt: Các cặp từ trái nghĩa với các từ đã cho cũng chỉ đặc điểm, tính chất.

Bài 2(BP): Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn sau:

Tôi có một con chó nhỏ. Lông nó đen tuyền, trừ hai đầu bàn chân trước màu trắng. Mồm nó to, mắt to, đen óng ánh.

- HS hoạt động nhóm đôi: nêu một số từ ngữ chỉ đặc điểm.

- HS nêu trước lớp
- ..bộ phận thế nào?

- HS trả lời.

- HS lấy vd câu kiểu Ai thế nào?

- HS đọc bài

- HS làm bài cá nhân.

- HS nêu miệng.

- HS tìm thêm.

- 1 số HS đặt câu với 1 cặp từ trái nghĩa đó.

- HS nêu.

- HS nêu yêu cầu bài.

- HS đọc đoạn văn trên BP.

Răng nó trắng, lúc nào cũng nhe ra... Nó không dữ và chẳng cắn ai bao giờ. Nhưng nó vô cùng mạnh mẽ và bền bỉ.
=>GV chốt về từ chỉ đặc điểm là những từ chỉ hình dáng, màu sắc, tính chất, tính nết của sự vật.

Bài 3: Điền tiếp các từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu theo mẫu Ai thế nào? (BP)

- a. Con mèo tam thể.....
- b..... đỏ chót, rục rờ như bông hoa mào gà.
- c. chăm chỉ cày ruộng.
- d. Hai chiếc tai nhỏ

Gợi ý: Bài tập yêu cầu gì?

- HDHS: Muốn điền được từ ta cần đọc kĩ từng câu xem nội dung câu đó nói về điều gì để điền được từ phù hợp.

- Yêu cầu HS làm bài.

Khuyến khích HS nêu câu khác.

Bài 4:

Hãy tìm 3 từ chỉ đặc điểm và đặt 3 câu chứa các từ đó theo kiểu câu Ai thế nào?

- Cho HS nêu câu
- Nhận xét.

=>GV chốt: Bộ phận TLCH thế nào? là từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất.

3. Vận dụng:

+ HS lấy vd về từ chỉ đặc điểm, câu kiểu Ai thế nào?

- Nhận xét tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

Tiết 4

- HS trao đổi làm bài theo nhóm đôi.
- HS trình bày kết quả.
- NX, bổ sung.

- Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành câu theo mẫu câu Ai thế nào?

- HS làm bài cá nhân
- HS nêu câu đã điền.
- HSNX.

Đáp án:

- a. Con mèo tam thể thật đáng yêu.
- b. Cái mào gà của chú gà trống đỏ chót, rục rờ như bông hoa mào gà.
- c. Con trâu nhà em chăm chỉ cày ruộng.
- d. Hai chiếc tai nhỏ dài, thẳng đứng như chiếc lá bàng mới nảy.
- Đọc yêu cầu.
- HS nêu các từ chỉ đặc điểm
- Nối tiếp nêu câu.
- Nhận xét

Luyện tập: Đặt và trả lời câu hỏi: Bằng gì? Dấu hai chấm.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù.

- Củng cố, khắc sâu và nâng cao kiến thức về đặt và trả lời câu hỏi : Bằng gì? Dấu hai chấm.

- Rèn kĩ năng đặt câu hỏi cho bộ phận trả lời: Bằng gì? Điền tiếp bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Bằng gì? dấu hai chấm.

2. Năng lực chung.

+ NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thích Tiếng Việt.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc

- GDHS cách dùng từ, đặt câu chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.

- Bảng phụ: bài 2, bài 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1: Khởi động.

- GV cho HS đặt và trả lời câu hỏi về nội dung bài?

- HS trao đổi nhóm đôi đặt và trả lời câu hỏi: Bằng gì?

- Nêu tác dụng của dấu hai chấm.

- HS đặt câu hỏi và trả lời.

- HS đặt câu hỏi.

- Nhận xét.

*HS nêu: Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của nhân vật hoặc lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

- GV nhận xét, chốt kt

-> *Chốt: Củng cố cách đặt và trả lời câu hỏi bằng gì? Dấu hai chấm*

2: Thực hành, luyện tập.

Bài 1: Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch chân trong mỗi câu sau.

a. Những ngôi nhà được làm bằng tranh tre.

b. Mẹ ru con bằng những điệu hát ru.

*c. Nhân dân thế giới giữ gìn hòa bình bằng tình đoàn kết hữu nghị.

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

- Bài yêu cầu gì?

- HĐ cá nhân làm bài.

- HS nêu yêu cầu của bài.

- Đặt câu hỏi cho bộ phận gạch chân

- HS làm bài vào vở, cá nhân đặt câu hỏi.

- GV nhận xét

-> *Chốt: Cùng cố cách đặt câu hỏi cho bộ phận trả lời cho câu hỏi: bằng gì?*

Bài 2: Trả lời các câu sau:

a. Chiếc hộp bút của em được làm bằng gì?

b. Em thường thường tô những bức tranh của mình bằng gì?

c. Mẹ em đưa em đến trường bằng phương tiện gì?

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.

- Y/ c học sinh nêu miệng

- GV nhận xét, đánh giá.

-> *Chốt: Cùng cố cách trả lời câu hỏi “ Bằng gì”.*

Bài 3: GV treo bảng phụ.

Điền tiếp vào chỗ trống bộ phận câu chỉ phương tiện trong mỗi câu sau.

a. Chúng em quét nhà bằng...

b. Chủ nhật tuần trước lớp em đi thăm quan bằng...

*c. Loài chim làm tổ bằng...

- Y/c học sinh nêu yêu cầu của bài.

*Bộ phận trả lời cho câu hỏi *bằng gì?* là những từ chỉ gì?

- GV nhận xét, đánh giá.

-> *Chốt: Cùng cố cách điền bộ phận câu trả lời cho câu hỏi : Bằng gì?*

3. Vận dụng

Đáp án:

a. Những ngôi nhà được làm bằng gì?

b. Mẹ ru con bằng gì?

c. Nhân dân thế giới giữ gìn hòa bình bằng gì?

- Nhận xét.

- HĐ cá nhân nêu miệng

- HS nêu yêu cầu.

- HS nêu miệng câu trả lời.

VD:

a. Chiếc bút của em được làm bằng nhựa.

b. Em thường tô những bức tranh của mình bằng bút sáp màu.

c. Mẹ em thường đưa em đến trường bằng chiếc xe máy.

- HĐ cá nhân làm vở.

- HS đọc đầu bài, nêu yêu cầu.

- Lớp làm vở, 3 hs lên bảng chữa bài.

VD

a. Chúng em quét nhà bằng chổi

b. Chủ nhật tuần vừa rồi lớp em đi thăm quan bằng ô tô

b. Loài chim làm tổ bằng các cành cây

- Nhận xét.

*HS nêu: Là những từ chỉ phương tiện

Bài 4: GV treo bảng phụ.

Điền dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau.

a. Căn nhà tôi chẳng có nhiều đồ đạc một cái tủ, một cái chạn bát, một bếp lửa và một cái giường đơn.

b. Đường đến chợ rộ lên những âm thanh ồn ã tiếng lợn, gà, vịt, tiếng người nói.

- Gọi hs nêu yêu cầu của bài.
- Y/c học sinh thảo luận nhóm đôi làm bài.

* Nêu tác dụng của dấu hai chấm

- GV nhận xét, chốt kt.
- > *Chốt: Tác dụng của dấu hai chấm*
- Dấu hai chấm dùng để làm gì?
- Nhận xét giờ học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

Tiết 5

Tiếng việt(tăng)
Ôn tập: Viết thư

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- HS viết được 1 lá thư ngắn cho bạn(khoảng 10 câu) bày tỏ sự cảm thông chia sẻ với khó khăn của bạn : Thư trình bày đúng thể thức, đủ ý, dùng từ đặt câu đúng.
- HS viết được đoạn văn hoàn chỉnh bày tỏ sự cảm thông chia sẻ khó khăn với bạn.

2. Năng lực chung.

- + NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu thích Tiếng Việt.
- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc

- HĐ nhóm đôi
- HS đọc đầu bài, nêu yêu cầu.
- Đại diện nhóm nêu kết quả thảo luận

Đáp án

a. Căn nhà tôi chẳng có nhiều đồ đạc: một cái tủ, một cái chạn bát, một bếp lửa và một cái giường đơn.

b. Đường đến chợ rộ lên những âm thanh ồn ã tiếng: lợn, gà, vịt, tiếng người nói.

- Nhận xét.

*HS nêu:Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của nhân vật hoặc lời giải thích cho bộ phận đứng trước.

- HS nêu lại.
- HS lắng nghe.

- GDHS cách dùng từ, đặt câu chính xác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ ghi câu hỏi gợi ý.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1: Giới thiệu và ra đề:

Đề bài: Em hãy viết thư cho bạn mới quen bày tỏ sự cảm thông chia sẻ, khó khăn

2. Hướng dẫn xác định yêu cầu đề:

- Đề yêu cầu gì?

- Đối tượng kể là gì

- Nội dung kể yêu cầu gì?

3. Hướng dẫn viết thư

a. Hướng dẫn tìm ý (bằng hệ thống câu hỏi)

- Nêu cấu trúc một lá thư

- Mỗi phần trong bức thư gồm những ý chính gì?

1. Phần đầu bức thư được viết như thế nào?

2. Nội dung thư viết những gì?

3. Phần cuối thư viết gì?

- GV nhắc HS có thể viết lá thư khoảng 10 câu hoặc dài hơn trình bày thư cần đúng thể thức, nội dung hợp lí .

Nói lại toàn bộ bức thư

Vài HS nói miệng toàn bộ bức thư.

4. HS viết vào vở

- GV quan sát giúp các học sinh viết còn lúng túng.

- Thu vở và nhận xét bài làm của học sinh về chữ viết, lỗi chính tả, cách diễn đạt, cách dùng từ, chấm câu...

- Đọc bài văn tham khảo.

- Viết thư cho bạn mới quen bày tỏ sự cảm thông chia sẻ với khó khăn của bạn
- Viết thư cho người bạn mới quen
- thăm hỏi , chia sẻ với những khó khăn của bạn.

- gồm ba phần: đầu thư, nội dung bức thư và phần cuối thư

- Thư được viết cho ai? Cách xưng hô?
Phần đầu thư gồm: nơi gửi thư và thời gian viết thư, lời xưng hô với người nhận thư

- Nội dung chính của lá thư gồm :làm quen,thăm hỏi ,chia sẻ với những khó khăn của bạn , lời chúc, hứa hẹn...

Lời chào, chữ kí và tên

- HS lắng nghe.

- HS lắng nghe.

Việt Anh thân mến!

Vào đầu thư cho mình gửi lời hỏi thăm sức khỏe tới gia đình bạn nhé!
Chắc bạn rất ngạc nhiên khi không biết người gửi thư cho mình là ai đúng không?

Mình không để bạn đợi lâu nữa. Mình xin giới thiệu mình là Bùi Trường An mình là học sinh lớp 3B trường tiểu học Thanh Xuân. Hôm vừa rồi mình xem trên truyền hình biết được hoàn cảnh của gia đình bạn. Hôm nay mình viết bức thư này để chia sẻ cùng bạn. Mình hiểu được nỗi buồn của một người, khi người thân trong gia đình bị mắc một căn bệnh hiểm nghèo như vậy. Mình cùng gia đình cảm thấy vừa ghen ngào, đau xót trước hoàn cảnh của bạn. Nhưng mình luôn tin rằng một người người đầy nghị lực sống như bạn sẽ vượt qua được khó khăn này. Mình cùng gia đình mình muốn quyên góp một chút gì đó cho gia đình bạn, tuy món quà không đáng là bao nhưng đó là tình cảm mà mình và gia đình muốn dành cho bạn, mình mong những điều tốt đẹp sẽ đến với bạn và mẹ của mình.

Sau khi bạn nhận được lá thư này mình và bạn sẽ trở thành bạn tốt của nhau. Hãy viết thư tâm sự với mình khi nào bạn nhận được thư của mình nhé!

Bạn của bạn

An

Bùi Trường An

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY

.....

-